

TRIỀU NGUYỄN THỰC THI CHỦ QUYỀN Ở QUẦN ĐẢO HOÀNG SA VÀ TRƯỜNG SA VÀO THẾ KỶ XIX

ĐỖ BANG*

1. Vua Gia Long lập đội Hoàng Sa để thực thi chủ quyền và khai thác kinh tế ở Biển Đông

Các bộ sách địa chí và chính sử của Quốc sử quán triều Nguyễn đều ghi Hoàng Sa thuộc chủ quyền của nước Việt Nam ngay từ đầu triều Gia Long.

Kế tục công cuộc khai thác và thực thi chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa dưới thời các chúa Nguyễn và Tây Sơn, năm 1803, một năm sau khi lên ngôi, vua Gia Long đã cử Cai đội Võ Văn Phú chỉ huy đội Hoàng Sa tiếp tục thực thi chủ quyền ở vùng biển đảo. Một bản triều Nguyễn đang bảo quản tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV (Đà Lạt, Lâm Đồng), trong đó có bản khắc sách *Đại Nam thực lục chính biên đệ nhất kỷ*, quyển 22, trang 2, năm Gia Long thứ 2 (1803) chép: “*Tháng 7, lấy Cai cơ Võ Văn Phú làm Thủ ngự cửa biển Sa Kỳ, sai mộ dân ngoại tịch lập làm đội Hoàng Sa*” (1).

Tư liệu này thống nhất với tư liệu của tộc Võ do TS. Nguyễn Đăng Vũ sưu tầm vào năm 2011 ở đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, cho biết: Cai thủ cửa biển Sa Kỳ

kiêm Cai cơ Thủ ngự quản đội Hoàng Sa là Võ Văn Phú, mà trong các bộ chính sử có ghi là Phú Nhuận hầu được triều đình Huế cử làm Cai đội Hoàng Sa vào năm Gia Long thứ 2 (1803). Phú Nhuận Hầu Võ Văn Phú, là con của ông Võ Văn Khiết làm Cai đội Hoàng Sa từ thời Tây Sơn nay làm cai đình An Vĩnh (1803) (2).

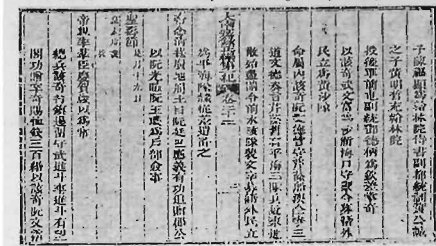
Như vậy, ngay những năm đầu sau khi triều Nguyễn thống nhất đất nước, triều đình Huế đã cho thành lập đội Hoàng Sa, một đơn vị chuyên dụng có nhiệm vụ khai thác kinh tế và thực thi chủ quyền ở Biển Đông. Việt Nam là nước duy nhất trong khu vực có một tổ chức nhà nước mang thương hiệu “Hoàng Sa” để thực hiện nhiệm vụ kinh tế và quân sự tại quần đảo này.

Việc lập đội Hoàng Sa và các hoạt động của đội này về sau được chính sử của Triều Nguyễn nhiều lần ghi lại. Sách *Đại Nam thực lục* chép về sự kiện năm 1815: “*Sai đội Hoàng Sa là bọn Phạm Quang Ảnh ra đảo Hoàng Sa thăm dò đường biển*” (3).

Sự kiện quan trọng này được Jean Baptiste Chaigneau (1769-1825) một nhân chứng ngoại quốc đang có mặt ở Huế

* PGS.TS. Hội Khoa học Lịch sử tỉnh Thừa Thiên Huế

Ảnh 1: Bản dập mộc bản Đại Nam thực lục chính biên đệ nhất kỳ cho biết
Cai cơ Võ Văn Phú cho mộ dân bổ sung vào đội Hoàng Sa



dã phản ánh trung thực trong tập hồi ký *Le mémoires sur la Cochinchine*: “Nước Cochinchine mà vua bấy giờ xưng đế hiệu gồm xứ Đàng Trong (Cochinchine), xứ Đông Kinh (Tonkin), một phần xứ Cao Miên, một vài đảo có cư dân không xa bờ bể và quần đảo Paracels (4) hợp thành bởi những đảo nhỏ, đá ngầm và mỏm đá không có dân cư. Chỉ đến năm 1816, mà Hoàng đế bấy giờ mới lấy chủ quyền trên quần đảo ấy” (5).

Một công bố bằng tiếng Anh ở Bengal, Giám mục Jean Louis Tabert lại xác nhận về chủ quyền độc tôn này của Hoàng đế Gia Long: “Năm 1816, ông đã tới long trọng cắm cờ chính thức giữ chủ quyền các hòn đảo đá này mà hình như không một ai tranh giành với ông” (6).

Năm 1833, Giám mục Jean Louis Tabert trong cuốn *Univers et description de tous les peuples de leur religions, moeurs et coutumes* cũng khẳng định sự kiện cắm mốc chủ quyền của vua Gia Long ở quần đảo Hoàng Sa: “Chúng tôi không rõ họ có thiết lập một cơ sở nào tại đó không; nhưng có điều chúng tôi biết chắc là Hoàng đế Gia Long đã chủ tâm thêm cái đoá hoa kỳ lạ đó vào vương miện của ông. Vì vậy mà ông xét thấy đúng lúc phải thân chinh vượt biển để tiếp thu quần đảo Hoàng Sa, và chính vào

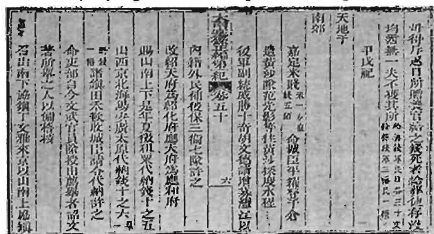
năm 1816, Ngài đã long trọng treo tại đó lá cờ của xứ Đàng Trong” (7).

Như vậy, ngay dưới triều Gia Long, nhà vua rất quan tâm đến xác lập chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa như là một thực tế hiển nhiên về quản lý lãnh thổ truyền thống được quốc tế thừa nhận.

Vào đầu thời Nguyễn trong *Lịch triều hiến chương loại chí* (8), tập *Dư địa chí* viết về phủ Tư Nghĩa (tức Quảng Ngãi), Phan Huy Chú (1782-1840) đã dành phần lớn nội dung để viết về Hoàng Sa cùng những sản vật được khai thác và chế biến từ nguồn lợi thiên nhiên ở đây: “Xã An Vĩnh, huyện Bình Dương ở gần biển. Ngoài biển phía đông bắc có đảo [Hoàng Sa] nhiều núi linh tinh, đến hơn 130 ngọn núi. Đi từ chỗ núi [chính] ra biển [sang các đảo khác] ước chừng hơn một ngày hoặc vài trống canh. Trên núi có suối nước ngọt. Trong đảo có bãi cát vàng, dài ước 30 dặm, bằng phẳng rộng rãi [...]. Các thuyền buôn đi gặp gió thường nấp vào đảo này” (9).

Dưới thời Tự Đức, Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn sách *Đại Nam nhất thống chí*, quyển 8, tỉnh Quảng Ngãi cũng ghi chép khá tường tận về cảnh vật, hải sản ở Hoàng Sa: “Hoàng Sa ở phía đông cù lao Ré. Thuyền xuất phát từ cửa Sa Kỳ, thuận gió thì từ ba đến bốn ngày đêm có thể đến nơi. Có đến hơn 130 đảo. Trong đảo có bãi cát vàng, liên tiếp kéo dài không biết mấy ngàn dặm, bằng phẳng, rộng rãi, tục gọi là “Vạn lý trường sa”; nước rất trong, trên bãi có giếng nước ngọt, chìm biển tụ tập không

Ảnh 2: Một bản sách Đại Nam thực lục chính biên đệ nhất kỷ, quyển 50, trang 6, năm Gia Long thứ 14 (1815) ghi về vua Gia Long phái Phạm Quang Ảnh ra đảo Hoàng Sa dò xét đường biển



có giếng, nước giếng có vị ngọt" (11).

2. Vua Minh Mạng
rất có ý thức và trách nhiệm về chủ quyền biển đảo trong đó có Hoàng Sa và Trường Sa

Ngoài việc cho thuê thuyền dân để hướng dẫn hải hành, hoạt động vãng thám, dò đạc thủy trình triều đình giao cho thủy quân đảm nhận, năm 1834, vua Minh

biết cơ man nào. Sản nhiều ốc hoa, hải sâm, đồi mồi, vich, cùng những hàng hoá của thuyền người Thanh bị bão, trôi dạt vào đấy.

Dấu triều Gia Long phỏng theo lệ cũ đất đội Hoàng Sa, sau lại bỏ; dấu đời Minh Mạng thường sai người đi thuyền công đến đó thám dò đường biển, thấy một nơi có cồn cát trắng chu vi 1.070 trượng, cây cối xanh tốt, giữa cồn cát có giếng; phía tây nam cồn có ngôi miếu cổ, không rõ dựng từ thời nào, có bia khắc bốn chữ "Vạn lý ba bình" (muôn dặm sóng yên).

Năm Minh Mạng thứ 16 (1835), sai thuyền công chở gạch đá đến xây đền, dựng bia đá ở bên trái đền để ghi dấu và tria hạt giống các thứ cây ba mặt trái, phải và phía sau. Bình phu đắp nền miếu đảo được lá đồng và gang sắt có đến hơn 2.000 cân" (10).

Vào đầu thế kỷ XX, khi viết tập sách Đại Nam địa dư chí ước biên (1908), Tổng tài Quốc sử quán là Cao Xuân Dục cũng xác nhận về việc khai thác và quản lý Hoàng Sa của triều Nguyễn: "Đảo Hoàng Sa ở Bình Sơn. Từ bờ biển ra khơi, thuận gió thì 3, 4 ngày đêm có thể đến được. Trên đảo núi non trải khắp, có tới 130 ngọn. ở giữa có bãi cát vàng, không biết mấy ngàn dặm, tục gọi là Vạn Lý Trường Sa. Trên bãi

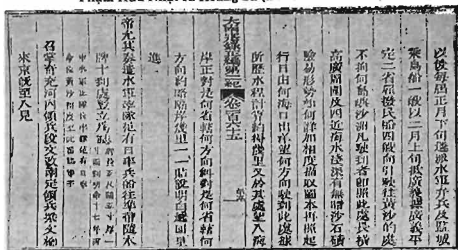
Mạng: "sai Giám thành đội trưởng Trương Phúc Sĩ cung thủy quân hơn 20 người đi thuyền ra đến đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Ngãi vẽ bản đồ" (12).

Năm 1836, vua Minh Mạng sai Suất đội Phạm Hữu Nhật đem binh thuyền qua Quảng Ngãi đến thẳng Hoàng Sa để dò đạc, khám xét, cắm tiêu làm dấu, vẽ bản đồ để trình lên vua xem (13).

Trong một số trường hợp, triều đình giao phối hợp với ngư dân chuyên nghiệp đi biển ở hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định cùng thực hiện, được thể hiện trong bản tâu của Bộ Công năm 1836: "Xin từ nay trở về sau, mỗi khi đến hạ tuần tháng Giêng, chọn phái biển binh thủy quân và vệ Giám thành đáp một chiếc thuyền ô, nhằm thượng tuần tháng hai thì đến Quảng Ngãi, bắt hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định thuê 4 chiếc thuyền của dân, hướng dẫn ra đúng xứ Hoàng Sa" (14).

Tài liệu Châu bản triều Nguyễn, là văn bản quan trọng bậc nhất của triều đình Huế được các vua triều Nguyễn xem xét, phê duyệt, là cơ sở để nhà vua ban hành các chiếu, chỉ, dụ... nhằm cụ thể hoá các chủ trương của triều Nguyễn. Ở Cục Lưu

Ảnh 3: Bản dập mộc bản sách Đại Nam thực lục chính biên đệ nhất kỷ, quyển 165 khắc in nội dung vua Minh Mạng phái suất đội thủy quân Phạm Hữu Nhật ra Hoàng Sa (ảnh của Khắc Niên)



trữ Trung ương I (Hà Nội), hiện nay còn lưu giữ 11 bản bản từ năm 1830 đến 1847 của hai triều Minh Mạng và Thiệu Trị ghi chép về các sự kiện có liên quan đến Hoàng Sa và Trường Sa. Đáng chú ý hơn cả là hai bản tâu của Thủ ngự cảng Đà Nẵng ngày 27 tháng 6 năm Minh Mạng thứ 11 (tức 15-8-1830) do thuyền trưởng Đô-ô-chi-ly của tàu buôn Pháp Ê-đoa cung cấp thông tin rằng: Ngày 20 tháng 6 năm Minh Mạng 11 (8-8-1830), thuyền buôn của triều đình do Lê Quang Quỳnh và các thủy thủ đoàn rời cảng Đà Nẵng đi Lữ Tống (Lucon, Manila-Philippine) đến canh hai ngày 21 tháng 6, đụng phải đá ngầm ở phía tây Hoàng Sa, thuyền bị ngập nước. Thủ ngự cảng Đà Nẵng phái thuyền mang theo nước uống đi cứu hộ, gỡ Ngõ đã gặp, đã đưa họ về lại cảng (15).

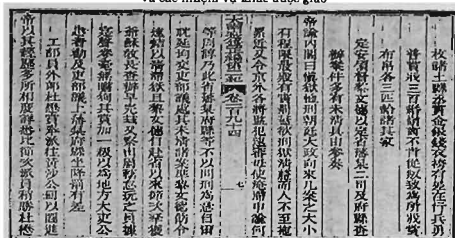
Để khai thác và thực thi chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa, triều Nguyễn rất chú trọng đến hoạt động vãng thám, do đặc thù trình và vẽ bản đồ với yêu cầu rất cụ thể cho các đội làm nhiệm vụ ở Hoàng Sa như sau: "Không cứ là đảo nào, hòn nào, bãi cát nào, khi thuyền đến thì cũng xem xét xứ ấy chiều dài, chiều ngang, chiều cao, chiều rộng, chu vi và nước biển xung quanh

nông hay sâu, có bãi ngầm, đá ngầm hay không, hình thế hiểm trở, bình dị thế nào, phải tưởng tất do đặc, vẽ thành bản đồ. Lại, xét ngày khởi hành từ cửa biển nào ra khơi, nhằm phương hướng nào đi đến xứ ấy, căn cứ vào thuyền đi, tính được bao nhiêu dặm. Lại, từ xứ ấy trông vào bờ bên đối thẳng vào bờ là tỉnh

hạt nào, cách bờ chừng bao nhiêu dặm. Nhất nhất nói rõ, đem vẽ dâng trình" (16). Chủ trương này của triều đình Huế giao cho vệ Giám thành, Khâm Thiên giám ở Kinh đô Huế và thủy quân triển khai hàng năm.

Công việc hải hành để khai thác và thực thi chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa thường diễn vào 6 tháng đầu năm Âm lịch trước khi mùa mưa bão đến đối với các tỉnh miền Trung. Hoạt động này còn tùy thuộc vào thời tiết nhưng phải đảm bảo kế hoạch hàng năm và sự an toàn tính mạng của thuyền nhân mà triều đình đã giao phó. Trường hợp năm 1838 là một thí dụ, trong bản tâu của Bộ Công vào ngày 2 tháng 4 nhuận năm Minh Mạng thứ 19 (1838) cho biết: "Chúng tôi đã gửi giấy cho tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định khiến lo sửa soạn và đã chọn phái nhân viên ở Bộ (Công), Thị vệ, Khâm Thiên giám, Thành binh, Thủy binh theo binh thuyền vào trong ấy. Hiện nay phái đoàn đã tề tựu tập nập. Nhưng tình thần ấy gửi giấy nói về ngày 10 đến ngày 26 tháng 4, gió Đông thổi liên hồi thuyền chưa ra biển được. Dự ngày nào gió Nam thuận tiện, thuyền phái đoàn sẽ khởi hành,

Ảnh 4: Mộc bản triều Nguyễn ghi việc vua Minh Mạng thưởng cho Đỗ Mậu Thường từ Hoàng Sa trở về sau khi hoàn thành vẽ bản đồ và các nhiệm vụ khác được giao



chức của Bộ Công (phụ trách về xây dựng), Khâm Thiên giám (phụ trách về khí tượng), quân đội của triều đình có Thị vệ, Giám thành, Thành binh (bảo vệ hoàng gia, kinh đô), Thủy quân (bảo vệ biển đảo) và dân binh, dân phu ở các địa phương hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định mà phần lớn là

sẽ đệ báo sau" (17).

Nhưng hơn ba tháng sau, quan tỉnh Quảng Ngãi báo cáo lên triều đình là đoàn thuyền "Bốn chình thuyền" đã hoàn thành nhiệm vụ Hoàng Sa và đã trở về an toàn: "Xin chiếu lệ miễn thuế năm nay cho hai chiếc "Bốn chình thuyền" đã đưa binh dân đến Hoàng Sa do đặc giáp vòng từ hạ tuần tháng 3 tới hạ tuần tháng 6, hoàn tất công vụ nay đã trở về" (18).

Mộc sách Đại Nam thực lục chính biên đệ nhị kỷ, quyển 194, trang 7 và 8, năm Minh Mạng 20 (1839) chép: "Tháng 7, Viên ngoại lang Công bộ Đỗ Mậu Thường vâng lệnh phái đi công cán Hoàng Sa về, đem bản đồ dâng lên, vua cho là trải qua nhiều nơi, xem đo tường tất so với phái viên mọi lần thì hơi hơn. Đỗ Mậu Thường và các người đi cùng đều được gia thưởng áo quần và tiền" (19).

Qua tư liệu này cho chúng ta thấy tính chất quan trọng trong việc khảo sát địa hình, tài nguyên, khí hậu, thủy văn, vẽ bản đồ và bảo vệ chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đối với triều đình Huế qua việc nhà vua huy động lực lượng đông đảo quan quân của triều đình bao gồm quan

dân đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Riêng dân binh, dân phu theo định suất là 70 người lấy trai tráng trong các họ Võ, Phạm, Nguyễn của làng An Vĩnh, họ Mai ở làng An Hải đi trên 5 chiếc thuyền ra làm nhiệm vụ ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (20). Sau mỗi chuyến khảo sát Hoàng Sa các quan chức được giao nhiệm vụ phải báo cáo lên triều đình và được nhà vua trực tiếp xem xét, phê duyệt.

Công việc vãng thám, đo đạc thủy trình, khai thác ở quần đảo Hoàng Sa được thực hiện đều đặn hàng năm cho đến cuối thời vua Thiệu Trị. Trong một bản tấu của Bộ Công ngày 28 tháng 12 năm Thiệu Trị thứ 7 (1848) đã ghi lại: "hàng năm, vào mùa xuân theo lệ phái binh thuyền vãng thám Hoàng Sa thuộc hải cương nước nhà cho thành thực đường đi lối lại" (21). Bốn chữ "hải cương nước nhà" của Bộ Công là một khẳng định không thể chối cãi về chủ quyền nhà Nguyễn với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Đó là những cố gắng vào cuối thời vua Thiệu Trị, dù bận rộn với việc đối phó trước sự chống phá, uy hiếp của các pháo hạm phương Tây ở cảng Đà Nẵng đã làm bề trễ sự

liên tục trong việc thực thi các nhiệm vụ ở Hoàng Sa.

3. Biện pháp thực thi chủ quyền

Để khẳng định chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, triều Nguyễn đã cho cắm cột mốc, dựng bia chủ quyền, lập miếu thờ và trồng cây tại quần đảo này. Đây là bằng chứng pháp lý của một nước có chủ quyền và đã thực thi chủ quyền trên các vùng lãnh thổ của mình là một chủ trương đúng đắn của triều đình Huế được triển khai từ năm 1833. Sách *Đại Nam thực lục* cho biết: “Năm Quý Tỵ, Minh Mạng thứ 14 (1833) mùa thu tháng tám vua dụ Bộ Công rằng: Trong hải phận Quảng Ngãi có một dải Hoàng Sa, xa trông trời nước một màu, không phân biệt nông hay sâu. Gần đây, thuyền buôn thường [mắc cạn] bị hại. Nay nên dựng bị thuyền này, đến sang năm sẽ có người đến đó dựng miếu, lập bia và trồng cây cối. Ngày sau cây to lớn xanh tốt, người dễ nhận biết, tránh khỏi được mắc cạn. Đó cũng là việc lợi muôn đời” (22).

Vào năm Ất Mùi (1835), nhà vua cho dựng miếu thờ, xây bình phong và lập bia chủ quyền, Hoàng Sa trở thành lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc. Chính sử triều Nguyễn đã xác nhận sự kiện quan trọng này như sau: “Bãi Hoàng Sa ở hải phận Quảng Ngãi có một chỗ nổi cồn cát trắng cây cối xanh um, giữa cồn cát có giếng, phía tây nam có miếu cổ, có bia khắc bốn chữ “*Vạn lý ba bình*” (muôn dặm sóng yên), chu vi 1070 trượng, tên cũ là núi Phật Tự, bờ đông tây nam đều là đá san hô thoải thoải uốn quanh mặt nước. Phía bắc giáp với một hòn toàn đá san hô, sừng sững nổi lên, chu vi 430 trượng, cao 1 trượng 3 thước ngang với cồn cát (gọi là Bàn Than Thạch). Năm ngoái vua toan dựng miếu, lập bia ở chỗ ấy bỗng vì sao không làm được. Đến đây mới

sai Cai đội thủy quân là Phạm Văn Nguyễn đem lính thợ giám thành cùng phu thuyền hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định chuyên chở vật liệu đến đây dựng miếu (cách toà miếu cổ 7 trượng). Bên tả miếu dựng bia đá, phía trước xây cái bình phong. Mười lăm ngày làm xong rồi về” (23).

Qua hai tư liệu dẫn trên của chính sử triều Nguyễn cho thấy quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa hoàn toàn thuộc về chủ quyền Việt Nam nằm trong hải phận của tỉnh Quảng Ngãi.

Tài liệu *Việt sử cương giám khảo lược* của Nguyễn Thông (soạn năm 1877) cho biết ngôi miếu cổ ấy lợp ngói và chung quanh ngôi miếu được quân đội nhà Nguyễn đem các hạt giống từ đất liền ra vãi: “Có một cái miếu cổ, lợp ngói, biển gạch khắc mấy chữ *Vạn lý ba bình* [muôn dặm sóng êm]. Không biết dựng từ thời nào. Các quân nhân đến đây thường đưa những quả Phướng Nam mà vãi ở trong và ngoài miếu, mong cho mọc cây để làm dấu mà nhận. Từ khi quân đội Hoàng Sa bãi, gần đây không ai hỏi đến miếu ấy nữa” (24).

Qua tài liệu trên cho chúng ta thấy sự tái xác nhận chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa dưới triều vua Minh Mạng, còn thực ra trên đảo đã có giếng nước uống, cây cối tốt tươi, có toà miếu cổ, có bia khắc bốn chữ *Vạn lý ba bình*, cầu mong “biển yên sóng lặng”. Điều đó nói lên tầm quan trọng về chủ quyền của người Việt lâu đời ở đây. Hoàng Sa và Trường Sa không phải là nơi vô danh không có dấu chân người mà đã có tên đất, tên người, tên núi, có giếng nước dùng sinh hoạt cho các cộng đồng dân cư của thời trước đó tạo lập nên (25).

Ngoài bia đá được dựng lên cùng miếu thờ để khẳng định chủ quyền theo thông lệ của nhà nước, triều đình Huế còn cho cắm

10 cột mốc bằng gỗ để xác định chủ quyền. Việc hệ trọng này triều đình giao cho Suất đội thủy quân Phạm Hữu Nhật mang ra cắm ở Hoàng Sa vào năm 1836 có kích thước quy định như sau: “Chuẩn cho mang theo 10 cái bài gỗ, đến nơi đó dựng làm dấu ghi, mỗi bài gỗ dài 5 thước (khoảng 2m), rộng 5 tấc (0,2m), dày 1 tấc; mặt bài khắc dòng chữ: Minh Mạng thứ 17, năm Bính Thân, Thủy quân Chánh đội trưởng suất đội Phạm Hữu Nhật vâng mệnh đi Hoàng Sa trông nom đo đạc đến đây lưu dấu để nhớ” (26).

Đó là một khẳng định chủ quyền rất thông minh và mang ý nghĩa thiêng liêng dưới triều Minh Mạng.

Triều Nguyễn rất chú trọng đến việc khai thác, xây dựng, thực thi chủ quyền tại Hoàng Sa nên nhà vua giao cho Bộ Công phối hợp với vệ Giám thành, thủy quân và chính quyền địa phương hai tỉnh Quảng Ngãi và Bình Định để huy động dân binh tham gia với cộng đồng trách nhiệm rất cao. Chế độ lương bổng, cấp phát, thưởng phạt đối với quan chức, binh lính và dân binh thực hiện nhiệm vụ tại Hoàng Sa cũng rất nghiêm túc. Trong *Châu bản triều Nguyễn* thể hiện khá nhất quán về tính chất quan trọng của Hoàng Sa và Trường Sa và những người được triều đình giao thực hiện nhiệm vụ tại quần đảo này.

Ngày 18 tháng 7 năm Minh Mạng thứ 16 (1835), nhà vua ban Dụ: “Chuyển đi Hoàng Sa lần này công vụ hoàn tất. Riêng Cai đội Phạm Văn Nguyên trên đường công hồi đã trì hoãn, có Chi giao cho Bộ Công trị tội. Nay phạt 80 trượng cho phục chức Cai đội. Các tên Giám thành Trần Văn Văn, Nguyễn Văn Tiệp, Nguyễn Văn Hoàng về họạ đồ Hoàng Sa chưa chu tất, phạt mỗi tên 80 trượng. Các tên hướng dẫn hải trình Võ Văn Hùng, Phạm Văn Sanh thưởng mỗi tên một tiểu “phi long ngân tiền”; binh thợ,

dân phu hai tỉnh Quảng Ngãi, Bình Định đi theo thưởng mỗi tên một quan tiền” (27). Việc thưởng phạt này liên quan đến sự kiện triều đình Huế cho dựng miếu, lập bia tại Hoàng Sa năm Ất Mùi (1835).

Trong tờ Dụ ngày 13 tháng 7 năm Minh Mạng thứ 18 (1837), nhà vua cũng có ý nhắc nhở về trách nhiệm của những quan chức tham gia nhiệm vụ tại Hoàng Sa:

“Trừ bọn Phạm Văn Biện gồm 4 tên can tội đã có chỉ phạt trọng. Còn dân binh đi theo lặn lội biển cả cực khổ, thưởng mỗi tên binh đình một tháng lương, dân phu mỗi tên hai quan tiền” (28).

Đối với các quan nhận lệnh đi Hoàng Sa nhưng vì do thiên tai, dù không hoàn thành nhiệm vụ nhưng cũng được triều đình ban thưởng. Đó là trường hợp Phạm Văn Biện năm 1839, do năm này bị bão sóng đánh chìm thuyền bè, dù về Kinh trình diện có muộn nhưng tất cả đều được thưởng theo thứ bậc khác nhau (29).

Trái lại là trường hợp Nguyễn Hoán, vào năm 1845, Ngũ đẳng thị vệ Nguyễn Hoán được triều đình phái đi đến Hoàng Sa thuộc tỉnh Quảng Ngãi, tự tiện quấy rối các làng... Hoán phải chịu tội lưu đến ba bậc (30).

Dưới triều Nguyễn, sau khi vua Gia Long hoàn thành công cuộc thống nhất đất nước vào năm 1802, năm sau đã tái xác lập chủ quyền lãnh thổ ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đến thời vua Minh Mạng, sau khi thống nhất về hành chính trong cả nước (1832), nhà vua chú trọng đến Hoàng Sa và Trường Sa về phương diện thống nhất về thảo mộc và tâm linh, tạo nên hỗn thiêng sông núi, gắn kết giữa hải đảo với đất liền, giữa kinh đô với xã tắc trên mọi miền của Tổ quốc. Từ đây, tên tuổi của người lính Hoàng Sa là Phạm Hữu Nhật và nhiều danh tính và chức vụ khác làm

nhệm vụ ở Hoàng Sa gắn liền với quần đảo này và lưu danh muôn đời trong sử sách.

4. Kết hợp kinh tế với quốc phòng và bảo vệ ngư dân

Cùng với nhiệm vụ vãng thám, do đạc, vẽ bản đồ, cắm mốc, dựng miếu, trồng cây... đội Hoàng Sa còn làm nhiệm vụ kinh tế là thu lượm hàng hóa của các tàu thuyền bị đắm, đánh bắt hải sản, muông thú... Trong một bản báo cáo của Đỗ Mậu Thường vào năm 1838, được Bộ Công tâu lên vua Minh Mạng cho biết "Chuyến đi này có tìm thấy một khẩu súng bằng gang sơn đỏ, có đem về các thứ xích san hô, mai con ba ba và bắt sống các thứ chim" (31).

Một bài báo công bố muộn hơn (1849) ở Anh của GutzLaff cho biết triều đình Huế đã lập sở thu thuế cùng số thuyền được trưng dụng và quân đội ứng trực ở Hoàng Sa: "Chính phủ An Nam thấy những lợi có thể mang lại nếu một ngạch thuế đã đặt ra, bèn lập ra những trưng thuyền và một trại quân nhỏ ở chỗ này để thu thuế mà mọi người ngoài tới đây đều phải trả và để bảo trợ người đánh cá bản quốc" (32).

Việc đóng quân để bảo vệ ngư dân và lập cơ sở thu thuế đối với người nước ngoài tại Hoàng Sa là một khẳng định về chủ quyền không thể tranh cãi của triều Nguyễn đối với quần đảo này.

Qua các tư liệu trên cho chúng ta biết, Hoàng Sa là của Việt Nam nằm trên đường hàng hải quốc tế, cũng là nơi được triều đình Huế quan tâm đầu tư khai thác, xây dựng và bảo vệ nhằm khẳng định chủ quyền của nhà nước Việt Nam thời quân chủ.

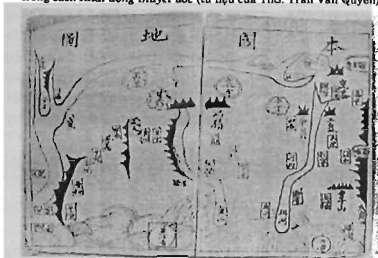
Phòng thủ vùng biển đảo các tỉnh miền Trung được triều Nguyễn đặc biệt quan tâm và chuẩn bị rất chu đáo từ lúc vua Gia Long mới lên ngôi. Triều đình Huế đã cho xây dựng các công sự dọc theo bờ biển, các cảng biển như Đà Nẵng, Thuận An, Thị

Nại... xác lập chủ quyền và khai thác vùng biển đảo xa khơi như Hoàng Sa và Trường Sa. Hoạt động phòng thủ tích cực thông qua các công trình quân sự và quân đội được tăng cường, triều Nguyễn đã khẳng định được chủ quyền không những trên đất liền mà trên các vùng biển đảo trong hơn 50 năm đầu của thế kỷ XIX.

Dưới triều Tự Đức, do phải bận tâm đối phó với sự xâm lược của thực dân Pháp nhưng không vì thế mà triều đình Huế không thực hiện các nhiệm vụ về Hoàng Sa và Trường Sa. Tuy không thấy chính sử triều Nguyễn ghi tiếp về các chuyến hải hành của quân đội và dân binh được triều đình sai phái đi công cán Hoàng Sa, nhưng tài liệu địa phương từ bản gia phả họ Phạm ở Lý Sơn (Quảng Ngãi) cho biết Cai đội Hoàng Sa là Phạm Quang Ảnh (1815-1865), có chuyến đi cuối cùng vào năm 1865 và đã hy sinh trên biển cùng 8 người lính Hoàng Sa khác (33). Trong bộ sách *Dại Nam nhất thống chí tỉnh*, mục tỉnh Quảng Ngãi, Quốc sử quán triều Nguyễn thời Tự Đức đã dành nhiều trang sách để ghi chép về Hoàng Sa (34). Mới đây, ThS. Trần Văn Quyến phát hiện sách giáo khoa dưới triều Tự Đức mang tên *Khải đồng thuyết ước* có bản đồ Hoàng Sa. Đây không những là minh chứng thuyết phục về sự kế tục khẳng định chủ quyền Việt Nam về quần đảo này của triều Nguyễn mà còn nhằm giáo dục cho học sinh ý thức về chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, biển đảo nước ta trong tình hình đất nước lâm vào giai đoạn khó khăn nhất (35).

Về nhà Thanh, từ sau chiến tranh Nha phiến, nhất là từ nửa sau thế kỷ XIX do nội loạn và ngoại xâm nên lâm vào tình trạng suy kém trầm trọng đã không chú ý đến vùng biển đảo ở phía đông nước ta. Do vậy, cho đến cuối thế kỷ XIX nhà Thanh vẫn không dính dáng gì về chủ quyền ở vùng

Ảnh 5: Bản quốc gia đồ vẽ quần đảo Hoàng Sa trong sách *Khải đồng thuyết ước* (tư liệu của Th.S. Trần Văn Quyền)



biển đảo này (36).

Vào đầu thế kỷ XX, *Đại Thanh đế quốc toàn đồ* xuất bản năm 1905, tái bản lần thứ tư năm 1910 chỉ vẽ đế quốc Đại Thanh đến đảo Hải Nam.

Khi người Pháp đô hộ trên toàn cõi Đông Dương, Việt Nam vẫn tiếp tục thực thi chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa (37).

5. Đối chứng và khẳng định

Cần cứ vào các tài liệu chính thống của triều Nguyễn đã dẫn trên cho biết: Các triều đại trước triều Nguyễn và dưới triều Nguyễn đều có dựng bia để khẳng định chủ quyền tại Hoàng Sa, lập đền thờ - một tập quán rất đặc trưng của người Việt mang tính "thiên liêng về chủ quyền lãnh thổ", lập đồn binh, lập trạm thu thuế và trồng cây lấy giống từ đất liền... Cũng theo mô tả của các tài liệu đã nêu, thì Hoàng Sa và Trường Sa không phải là đảo Lý Sơn (Cù lao Ré) như sự cố tình biện giải không thực tế của một số nhà sử học Trung Quốc gần đây (38).

Vào tháng 6 năm 2012 vừa qua, tại trường Đại học Waseda (Nhật Bản), GS. Trần Văn Thọ có tổ chức cuộc đối thoại trực tiếp giữa hai nước Việt Nam và Trung

Quốc, chủ quyền Biển Đông trở thành vấn đề tranh cãi gay gắt trong cuộc đối thoại này. GS. Nguyễn Quang Ngọc đã sử dụng các nguồn sử liệu tin cậy để bác bỏ luận điểm của các học giả Trung Quốc: Hàn Chấn Hoa, Đới Khả Lai, Lý Quốc Cường, Vu Hương Đông... cho rằng Hoàng Sa và Trường Sa chỉ là đảo Lý Sơn (Cù lao Ré) và các đảo ven bờ biển miền Trung Việt Nam (39).

Các học giả Trung Quốc xem việc triều đình cử các đoàn

thăm hiểm, các nhà du hành hàng hải, các thương nhân người Trung Hoa ra nước ngoài... trong quá khứ họ đã đi lại trên biển Đông có viết, vẽ về Hoàng Sa nhưng không có nghĩa là các hoạt động này gắn với chủ quyền đích thực của nhà cầm quyền đương thời là ngộ nhận có mục đích. Cũng như trong quá khứ, các nhà du hành phương Tây trong đó có người Bồ Đào Nha đã viết, vẽ về Hoàng Sa và các đảo khác của Việt Nam, nhưng không ai thừa nhận chủ quyền của người Bồ Đào Nha tại biển Đông từ các thế kỷ XVI-XVII. Đối với Trung Quốc, về chủ quyền đảo Hải Nam mãi tới đời nhà Lương và nhà Tùy (cuối thế kỷ thứ VI đầu thế kỷ thứ VII) mới xác lập quyền cai trị. Các triều đại về sau trong đó có triều Mãn Thanh không thấy một văn bản nhà nước hoặc chính sử của triều đình xác nhận Trung Quốc là nước có chủ quyền về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Hoàng triều trực tỉnh địa dư toàn đồ (Toàn bộ bản đồ địa lý của đất nước) do nhà Thanh (Trung Quốc) xuất bản năm 1904 của Tiến sĩ Mai Ngọc Hồng gần đây trao tặng Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam không có Hoàng Sa và Trường Sa. Đây là bản đồ được Trung Quốc vẽ theo phương

Ảnh 6: Bản đồ Trung Hoa cổ không có Hoàng Sa và Trường Sa, điểm cực nam của Trung Hoa là đảo Hải Nam



thức hiện đại của phương Tây, khác với cách vẽ theo cách riêng trước kia. Bản đồ này có ghi rõ tọa độ, phù hợp với ngôn ngữ bản đồ hiện nay.

Các tờ báo của Trung quốc gần đây như *Stockstar* và trang tin quân sự của *Sina* giới thiệu tỉ mỉ về kích thước, lai lịch của tấm bản đồ, nói rõ bản đồ này xác định đảo Hải Nam là điểm cực nam lãnh thổ Trung Quốc, có nghĩa là các quần đảo ở Biển Đông

như Hoàng Sa, Trường Sa nằm ngoài lãnh thổ Trung Hoa. Đặc biệt, *Stockstar* dùng tên gọi theo cách của Việt Nam là Hoàng Sa và Trường Sa, trong khi truyền thống Trung Quốc hiếm khi công bố với người dân về cách gọi nào khác ngoài tên gọi mà nước này đặt ra.

Trong khi đó, các bản đồ nước ta vào triều Nguyễn trong nửa đầu thế kỷ XIX đều vẽ quần đảo Hoàng Sa.

Bài học về xây dựng hệ thống phòng thủ và bảo vệ chủ quyền biển đảo ở các tỉnh miền Trung của triều Nguyễn có thành công và cũng có nhiều hạn chế. Các nguyên nhân về sự thành bại của triều Nguyễn không những đã để lại cho chúng ta một di sản quý báu về biển mà còn củng cố được niềm tin về chủ quyền thiêng liêng vùng biển đảo mà triều Nguyễn và các triều đại trước đó đã đổ bao nhiêu mồ hôi, xương máu để tạo lập nên.

CHÚ THÍCH

(1). Tư liệu được 2 tác giả Khắc Niên, Khắc Lịch công bố ngày 15-6-2012.

(2). Ngoài ra, dòng họ Võ Văn còn có nhiều người đi làm nhiệm vụ Hoàng Sa, tiêu biểu là Võ Văn Hùng - người mà trong các bộ chính sử triều Nguyễn có nhắc đến nhiều lần với vai trò người dẫn đường cho thủy quân và tuyển chọn đà công, thủy thủ... Đó là những người vâng mệnh triều đình thực thi nhiệm vụ cắm mốc chủ quyền trên đảo Hoàng Sa trong thời Minh Mạng. Tại nhà ông Võ Văn út, hậu duệ thứ 16 của họ Võ ở Lý Sơn, còn giữ phả tộc cổ cũng có ghi chép: Võ Văn Hùng là một trong 10 người con của Hội nghĩa hầu Võ Văn Khiết. Năm Giáp Ngọ (1834) cùng đi với ông còn có em trai Võ Văn Công. Người trực tiếp cắm lá là

ông Đặng Văn Siêm cùng quê Lý Sơn với anh em họ Võ (VnExpress, 19-9-2011).

(3), (9). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên*, Tập IV, Nxb. Sử học, Hà Nội, 1963, tr. 245.

(4). Từc Hoàng Sa.

(5). Hoàng Xuân Hãn, *Quần đảo Hoàng Sa*, Tập san *Sử Địa*, số 29, Sài Gòn, 1975, tr. 12-13.

(6), (32). Nguyễn Nhã, *Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Thành phố Hồ Chí Minh, 2002, tr. 59, 59-60.

(7). Nguyễn Nhã, sdd, tr. 56. Sử liệu Việt Nam chưa thể khẳng định từ năm 1816 về trước, vua Gia Long có đích thân ra đảo Hoàng Sa và cắm cờ để

khẳng định chủ quyền sau khi đất nước đã thống nhất toàn vẹn lãnh thổ và hải đảo như các tài liệu của người phương Tây cùng thời đã ghi lại, nhưng đây là sự kiện hết sức đặc biệt cần được quan tâm.

(8). Bộ sách được biên soạn trong 10 năm (1809-1819) dưới triều Gia Long, đến năm 1821, lúc làm Biên tu ở Viện Hàn Lâm, Phan Huy Chú dâng lên vua Minh Mạng.

(10). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 2, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1992, tr. 422. Sách soạn trong khoảng thời gian từ năm 1864-1875 (sdd, tr. 9).

(11). *Tuyển tập Cao Xuân Dục*, Tập 4, *Đại Nam địa dư chí ước biên*, Hoàng Văn Lâu dịch và chú giải, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2003, tr. 108.

(12), (14), (16), (23), (26). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên*, Tập IV, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 2007, tr. 120, 867, 867, 673, 867.

(13). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Quốc triều chính biên toát yếu*, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 1998, tr. 274.

(15). *Châu bản triều Minh Mạng*, tập 43, tr. 57, 458 (Tập chí *Xưa&nay*, số 333, tháng 6-2009, tr. 18).

Qua văn bản này cho chúng ta biết, Đà Nẵng không chỉ là nơi xuất bến các tàu viễn dương của triều đình và tốc độ tàu của nhà Nguyễn (1830) gặp 3-4 lần thuyền dân di Hoàng Sa trong các thế kỷ trước.

(17), (31). *Mục lục Châu bản triều Nguyễn*, Minh Mạng năm 19, Tập 68, bản thảo viết tay, tr. 21.

(18). *Mục lục Châu bản triều Nguyễn*, Minh Mạng năm 19, Tập 64, bản thảo viết tay, tr. 146.

(19). Theo: <http://soha.vn/thongtin/viet-kieu/39PSNVHL/nha-nguyen-cham-soc-hoang-sa.htm>

(20). Nguyễn Văn Tuấn, *Hệ thống di tích lịch sử - văn hoá trên huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, góp phần khẳng định chủ quyền Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam*, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 8 (436)-2012, tr. 67.

(21). *Mục lục Châu bản triều Nguyễn*, Thiệu Trị năm thứ 7, Tập 51, Bản thảo viết tay, tr. 235.

(22). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên*, Tập III, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 743.

(24). Nguyễn Thông (Ca Văn Thỉnh, Bào Định Giang dịch), "Việt sử cương giám khảo lược (Vạn ký Trường Sa)", Trích trong sách *Nguyễn Thông - Con người và tác phẩm*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1984; dẫn lại của Nguyễn Nhã, *Quá trình xác lập chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Khoa học Xã hội và nhân văn, 2002, tr. 45.

(25). Ngôi miếu, giếng nước này có thể từ thời chúa Nguyễn.

(27), (28). Hải Dương, "Địa danh Hoàng Sa trong châu bản triều Nguyễn", Tạp chí *Xưa & Nay*, số 63B, 1999, tr. 20-21.

(29). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên*, Tập V, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 532.

(30). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục chính biên*, Tập VI, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 749.

(33). *Lý Sơn quê hương hải đội Hoàng Sa*, VTV Đà Nẵng, VTV2.

(34). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, sdd, tr. 422.

(35). Quyển sách này vẫn được ThS. Trần Văn Quyến (Giảng viên khoa Xã hội và Nhân văn, Đại học Phú Xuân Huế) công bố. Theo khảo chứng của ThS. Trần Văn Quyến, sách được in từ thời Tự Đức (1853) dạy nhiều môn, từ thiên văn, địa lý, rồi đến nhân sự cho trẻ em học vỡ lòng. Sách được in trên ván gỗ, gồm 44 tờ, mỗi tờ hai trang, mỗi trang có sáu dòng, mỗi dòng có 16 chữ. Đặc biệt, trang 15-16 có vẽ bản đồ Việt Nam với tên gọi là "Bản quốc địa đồ", trong đó miêu tả chi tiết về quần đảo Hoàng Sa. Phần Hoàng Sa Chủ (có nghĩa là bãi cát - Hoàng Sa) nằm ngoài phần đất liền, đối diện với Thừa Thiên và Quảng Nam.

(36). Vào năm 1895 và 1896, có hai chiếc thuyền tên Bellona và Iruenzi Maru chở đồng cho người Anh bị đắm tại Hoàng Sa và bị người Trung Hoa đến đánh cướp được đem đổ đồng về bán tại đảo Hải Nam. Đại diện người Anh tại Bắc Kinh đòi nhà Thanh phải bồi thường. Nhưng chính quyền nhà Thanh không chịu, viện cớ quần đảo Hoàng Sa không thuộc chủ quyền của Trung Hoa.

(37). Mặc dù chịu sự bảo hộ của Pháp, Nam triều về danh nghĩa vẫn là đại diện cho quốc gia nên trước các yêu sách của chính quyền Quốc dân đảng Trung Hoa và sự đề nghị cung cấp dữ kiện liên quan đến vấn đề Biển Đông, ngày 3 tháng 3 năm 1925, Thượng thư Bộ Binh Thân Trọng Huế thay mặt triều đình Huế đã xác nhận chủ quyền Việt Nam ở quần đảo Hoàng Sa bằng một biểu văn quan trọng, trong đó có đoạn như sau: "Quần đảo Hoàng Sa luôn luôn thuộc Việt Nam và đó là vấn đề không thể chối cãi được...". Trong bản báo cáo ngày 22-01-1929, Khâm sứ Pháp ở Trung Kỳ là Le Fol nhấn mạnh các quyền được nước An Nam khẳng định và duy trì từ lâu. Ông viết như sau: "*Thân Trọng Huế, nguyên Thượng thư Bộ Binh, qua đời năm 1925, trong thư ngày 3 tháng 3 năm đó, đã khẳng định rằng* "Các hòn đảo đó bao giờ cũng thuộc nước An Nam, không có gì phải tranh cãi về vấn đề này". Tháng 12-1933, các đảo Trường Sa sáp nhập vào địa phận tỉnh Bà Rịa. Ngày 29 tháng 2 năm Mậu Dần (1938) vua Bảo Đại ra Dụ số 10 chuyển đổi hành chính đảo Hoàng Sa vào địa hạt tỉnh Thừa Thiên: "Các cù lao Hoàng Sa (Archipel des Iles Paracels) thuộc về chủ quyền nước Nam đã lâu đời và dưới các tiền triều, các cù lao ấy thuộc về địa hạt tỉnh Nam Ngãi; đến đời đức Thế Tổ Cao Hoàng Đế (tức vua Gia Long) vẫn để y như cũ là vì nguyên trước sự giao thông với các cù lao ấy đều do các cửa bể tỉnh Nam Ngãi... Nhờ sự tiến bộ trong việc hàng hải nên việc giao thông ngày nay có thay đổi, và lại viên đại diện chính phủ Nam triều uỷ phải ra kinh lý các cù lao ấy cùng quan đại diện chính phủ Bảo hộ có tâu rằng nên tháp các cù lao Hoàng Sa vào địa hạt tỉnh Thừa Thiên thời được thuận tiện hơn...". Trên cơ sở đó, ngày 5-6-1938, toàn quyền Đông Dương Jules Brévié ký Nghị định thành lập đơn vị hành chính tại quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh Thừa Thiên và cho dựng bia chủ quyền tại đảo Hoàng Sa (Theo Lê Thái Dũng, 2-6-2011). Đây là một tư liệu khẳng định chủ quyền liên tục của triều Nguyễn về Hoàng Sa - Trường Sa.

(38). Hàn Chấn Hoa trong tác phẩm *Ngã quốc Nam Hải chư đảo sử liệu hồi biên*, Nhà xuất bản Hạ Môn Đại Học, Nam Dương Nguyên Cứu Sử và một số học giả khác đã phủ nhận việc nhà Nguyễn cử binh

thuyền đến quần đảo Hoàng Sa với lý do là thuyền của nước ta lúc bấy giờ không có khả năng đến đó mà chỉ đến các đảo gần bờ như Lý Sơn mà thôi. Hoàng Chấn Hoa hoàn toàn không biết thuyền của triều đình Huế đã nhiều lần cử đi buôn bán với các nước Đông Nam Á, năm 1839, đoàn sứ giả của vua Minh Mạng do Trần Viết Xường dẫn đầu đi Pháp và Anh.

(39). Theo GS. Trần Văn Thọ: Các nhà nghiên cứu Trung Quốc như Hàn Chấn Hoa, Dời Khả Lai, Lý Quốc Cường, Vu Hương Đông... đã tìm cách chứng minh Hoàng Sa và Trường Sa chỉ là các đảo ven bờ biển miền Trung Việt Nam. Tiêu biểu và gần đây nhất là GS Vu Hương Đông trong luận án Tiến sĩ bảo vệ tại Đại học Hạ Môn năm 2008 đã đưa ra lập luận rằng vì Đội Hoàng Sa (do Gia Long lập) dùng người ở đảo Lý Sơn (tức là Cù Lao Ré, cách cửa biển Sa Kỳ khoảng 20 km, nay là huyện Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi) cho nên có thể suy ra Lý Sơn chính là đảo Hoàng Sa. Ngoài ra, các tác giả này còn cho rằng Trường Sa chỉ là các dải cát mang tên Đại Trường Sa, Tiểu Trường Sa trong đất liền thuộc bờ biển tỉnh Thừa Thiên Huế ngày nay. Với chủ trương đó, các tác giả này công nhận Việt Nam có chủ quyền nhưng chủ quyền đó chỉ là các đảo ven bờ, còn các đảo ở giữa Biển Đông (mà họ gọi là Tây Sa, Nam Sa) hoàn toàn không phải là Hoàng Sa, Trường Sa (như tài liệu của Việt Nam) và Pracels, Spratly (như tài liệu của phương Tây). Nói khác đi, họ chủ trương là các đảo ở Tây Sa và Nam Sa là chủ quyền của họ, không liên quan gì đến Hoàng Sa, Trường Sa hay Paracels, Spratly cả. Tuy nhiên, theo GS. Nguyễn Quang Ngọc, tất cả các nguồn tư liệu thư tịch và bản đồ cổ của Việt Nam, phương Tây và của cả Trung Quốc đều phân biệt một cách rạch ròi Hoàng Sa và Trường Sa ở giữa Biển Đông với các đảo ven bờ Việt Nam. Đây là điều ai cũng có thể nhận ra nếu thực sự muốn nghiên cứu nghiêm túc. Sau đó, Giáo sư Nguyễn Quang Ngọc có nói thêm là khi Pháp chuyển giao cho Bảo Đại toàn bộ Nam Kỳ có bao gồm cả Hoàng Sa và tại Hội nghị San Francisco (1951), Thủ tướng Trần Văn Hữu của chính quyền Bảo Đại có tuyên bố chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và không có ai phản đối. (GS. Trần Văn Thọ trả lời phỏng vấn của nhà báo Thu Hà, Vietnamnet: <http://dantri.com.vn/c/36/36-633485/chu-quyen-bien-dong-ta-phai-tu-quyet-dinh-so-phan-minh.htm>, 24/8/2012)